

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 30-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Hoàng

- Ông Phan Mai Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Duy N, sinh năm 1988; nơi sinh: Hà Nam; nơi ĐKNKTT: Phố Bạch Trà, phường L Ch, thành phố Ph L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số 141, đường Lý Thái Tổ, thị trấn L Nhuyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Minh, sinh năm 1965; con bà: Đỗ Thị Lương, sinh năm 1964; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1991; Vợ: Nguyễn Thị Dung (đã ly hôn), con có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 10/2023/HS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt Bùi Duy N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/10/2022, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa

* Người bị hại: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1996

Trú tại: Số nhà 25, tổ 5, thôn Phi Nôm, xã H Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thái Thị Q, sinh năm 1975

Trú tại: Số nhà 25, tổ 5, thôn Phi Nôm, xã H Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Ông Lý Thái H, sinh năm 1989

Trú tại: Số nhà 60, đường Phan Đình Phùng, thị trấn L Nhuyễn Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Bà Tạ Kim Kh, sinh năm 1975

Trú tại: 18 Nguyễn Văn Linh, thị trấn L N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Ông Tạ Văn T, sinh năm 1978

Trú tại: Số 38, Trần Hưng Đạo, tổ 6, thị trấn L Nhuyễn Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Ông Kon Sơ Ha V, sinh năm 2006

Người giám hộ: Ông Bon Dong Ha Đim, bà Kon Sơ K' Phương

Trú tại: Thôn Tơ Mrang, xã Đa Quyn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, Nguyễn Thái H và Bùi Duy N là bạn của nhau sống chung phòng trọ tại phòng trọ số 03, dãy trọ 141 Lý Thái Tổ, L NĐ, Lâm Đồng. H có nhờ mẹ là bà Thái Thị Q đứng tên giùm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, BKS 49E1 – 684.52 để H đi lại khi không chạy xe tải. quá trình sử dụng thì H và N cũng hay thường xuyên sử dụng chung, khi H chạy xe tải thì để xe tại phòng trọ cho N đi lại.

Vào ngày 27/12/2021, khi Nguyễn Thái H đang ngủ tại phòng trọ thì Bùi Duy N có lấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, BKS 49E1 – 684.52 của H đi cầm đồ tại tiệm cầm đồ “Đại Thắng” có địa chỉ tại số 502 QL20, TT L NĐ, Lâm Đồng do bà Tạ Kim Kh làm chủ tiệm. Tuy nhiên, do N không có giấy chứng minh nhân dân nên bà Kh không cho N cầm chiếc xe trên. Sau đó, N quay về phòng trọ và gặp Lý Thái H ở cùng dãy trọ, N có nhờ H ra tiệm cầm đồ Đại Thắng cầm giúp chiếc xe trên và nói với H đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider BKS 49E1 – 684.52 của H. H đồng ý ra tiệm cầm đồ Đại Thắng cầm giúp cho N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider BKS 49E1 – 684.52 với số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) N dùng để tiêu xài cá nhân. Đến tối cùng ngày, H có nhờ N chở ra xe hàng nơi H làm công thì không thấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider BKS 49E1 – 684.52 nên có hỏi N thì N trả lời đã mang chiếc xe này đi cầm đồ. H không đồng ý về việc N mang xe đi cầm đồ nên yêu cầu N phải chuộc xe về nhưng N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền đã cầm xe nên không có tiền chuộc xe về. Khoảng sau nửa tháng, do thiếu tiền tiêu xài nên N tiếp tục ra tiệm cầm đồ Đại Thắng cầm chiếc xe này thêm số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nâng tổng số tiền cầm cố

chiếc mô tô trên lên 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Tiệm cầm đồ Đại Thắng đã viết giấy cầm đồ tên Lý Thái H và N đã ký tên H trong giấy cầm đồ. Số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), N đã dùng để tiêu xài cá nhân, H không biết về việc này. N đã tiêu xài hết số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) và không còn khả năng chuộc xe để trả, sau đó N bỏ trốn để tránh sự phát hiện của H.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 49E1 – 684.52 sau khi N mang cầm cố tại tiệm cầm đồ Đại Thắng với số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) không có khả năng chuộc lại trả cho H. Đến khoảng tháng 3/2022, bà Kh đã thanh lý chiếc xe này cho cửa hàng mua bán xe máy Trọng do ông Tạ Văn T (SN: 1978, HKTT: số 33 Trần Hưng Đạo, tổ 6, TT L Nhuyễn Đ, tỉnh Lâm Đồng) làm chủ cửa hàng với giá tiền là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng). Việc mua bán giữa bà Kh với ông Tấn không thể hiện bằng giấy tờ mua bán mà thực hiện việc giao dịch mua bán chiếc xe máy trên bằng miệng. Sau khi mua chiếc xe mô tô trên từ tiệm cầm đồ Đại Thắng của bà Kh ngày 17/03/2022 ông Tấn bán chiếc xe mô tô trên cho ông Kon Sơ Ha V (SN: 2006, HKTT: thôn Tơ Mrang, xã Đa Quyn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) với giá tiền là 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), việc mua bán giữa ông Tấn và ông Vy được thể hiện bằng giấy biên nhận mua bán xe nhưng trên giấy biên nhận không thể hiện số tiền mua bán.

Căn cứ bản kết luận số 65/KL-HĐĐG ngày 28/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận giá trị tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen, số máy CGA 1515408, số khung 11ANJV115319, BKS 49E1 – 684.52 có giá trị là 23.500.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, CQĐT đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen, số máy CGA 1515408, số khung 11ANJV115319, BKS 49E1 – 684.52, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Nguyễn Thái H có nhờ mẹ là bà Thái Thị Q đứng tên giữ. Sau khi tiến hành định giá tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành trả lại tài sản cho chủ sở hữu là ông H. Ông H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Tạ Kim Kh là chủ tiệm cầm đồ Đại Thắng có cầm cố chiếc xe mô tô BKS 49E1 – 684.52 cho N với số tiền là 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) bà Kh yêu cầu N phải trả lại cho bà Kh số tiền trên. Về việc bà Kh bán chiếc xe này cho ông Tạ Văn T là chủ cửa hàng mua bán xe máy Trọng với số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) bà Kh sẽ trả lại số tiền trên cho ông Tấn.

- Đối với ông Tạ Văn T yêu cầu bà Kh trả lại số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) mà ông Tấn đã mua chiếc xe này tại tiệm cầm đồ của bà Kh. Về việc ông Tấn bán chiếc xe này cho ông Kon Sơ Ha V với số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) ông Tấn sẽ trả lại số tiền trên cho ông Vy.

- Đối với ông Kon Sơ Ha V là người đã mua chiếc xe này tại cửa hàng xe máy Trọng của ông Tấn ông Vy yêu cầu ông Tấn trả lại số tiền số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) cho ông Vy.

Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Bùi Duy N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử phạt bị cáo Bùi Duy N từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Duy N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau: Bị cáo Bùi Duy N đã lợi dụng lòng tin của ông Nguyễn Thái H đã giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen, BKS 49E1 – 684.52 cho N. Do hết tiền tiêu xài cá nhân nên Bùi Duy N đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe này lấy tiền tiêu xài. Bùi Duy N mang chiếc xe này đến tiệm cầm đồ Đại Thắng do bà Tạ Kim Kh làm chủ, cầm được số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) sau đó N tiêu xài hết và bỏ trốn. Tài sản mà Bùi Duy N chiếm đoạt của ông Nguyễn Thái H là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen, BKS 49E1 – 684.52 có giá trị 23.500.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐG ngày 28/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định.

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng vụ án, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Duy N đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội

phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, chứng tỏ bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, ổn định tại địa phương mà còn xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy.

[4] Xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải bị xử lý nghiêm.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về tang vật của vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen, số máy CGA 1515408, số khung 11ANJV115319, BKS 49E1 – 684.52, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Nguyễn Thái H có nhờ mẹ là bà Thái Thị Q đứng tên giữ. Sau khi tiến hành định giá tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành trả lại tài sản cho chủ sở hữu là ông H. Ông H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đề cập đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa bà Tạ Kim Kh là chủ tiệm cầm đồ Đại Thắng có cầm cố chiếc xe mô tô biển số 49E1 – 684.52 cho N với số tiền là 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng). Do ông Lý Thái H đứng ra bảo lãnh cho bị cáo N cầm xe nên bà Kh yêu cầu ông Lý Thái H phải trả lại cho bà Kh số tiền 15.000.000đ và yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền 10.000.000đ. Bị cáo đồng ý trả cho bà Kh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và ông Lý thái H đồng ý trả cho bà Kh số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

- Đối với ông Tạ Văn T đã mua lại chiếc xe mô tô biển số 49E1 – 684.52 của bà Kh với số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng). Nên ông Tấn yêu cầu bà Kh trả lại số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), bà Kh đồng ý

trả cho ông Tạ Văn T số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

- Đối với ông Kon Sơ Ha V là người đã mua chiếc xe này tại cửa hàng xe máy của ông Tạ Văn T với số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng). Tại phiên tòa ông Kon Sơ Ha V yêu cầu ông Tấn trả lại số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) ông Tấn đồng ý nên cần ghi nhận.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Duy N phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy N 18 (mười tám) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với Bản án số 10/2023/HS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo Bùi Duy N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/10/2022, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo Bùi Duy N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

- Buộc các bị cáo Bùi Duy N có nghĩa vụ trả lại cho bà Tạ Kim Kh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Buộc ông Lý Thái H nghĩa vụ trả lại cho bà Tạ Kim Kh số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Buộc bà Tạ Kim Kh có nghĩa vụ trả lại cho ông Tạ Văn T số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

- Buộc ông Tạ Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Kon Sơ Ha V số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2012, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Bùi Duy N phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Lý Thái H phải chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Tạ Kim Kh phải chịu 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Ông Tạ Văn T phải chịu 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi được quyền kháng cáo phần có liên quan để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Long